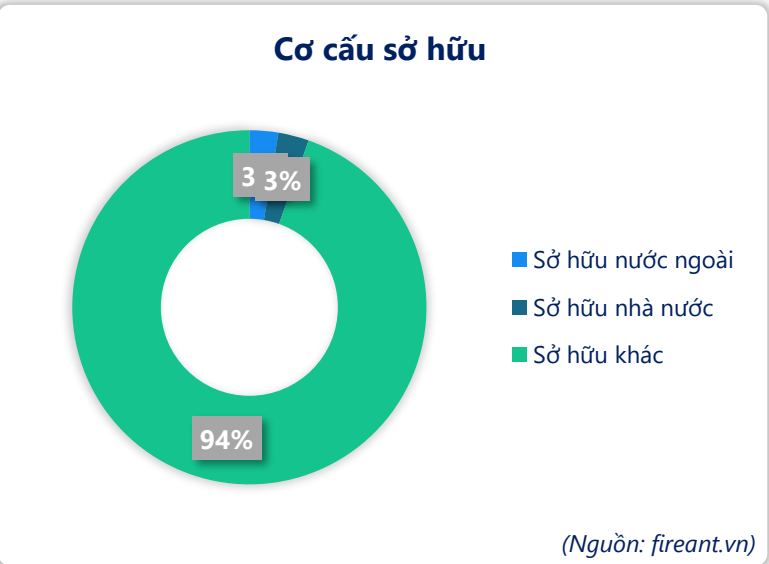
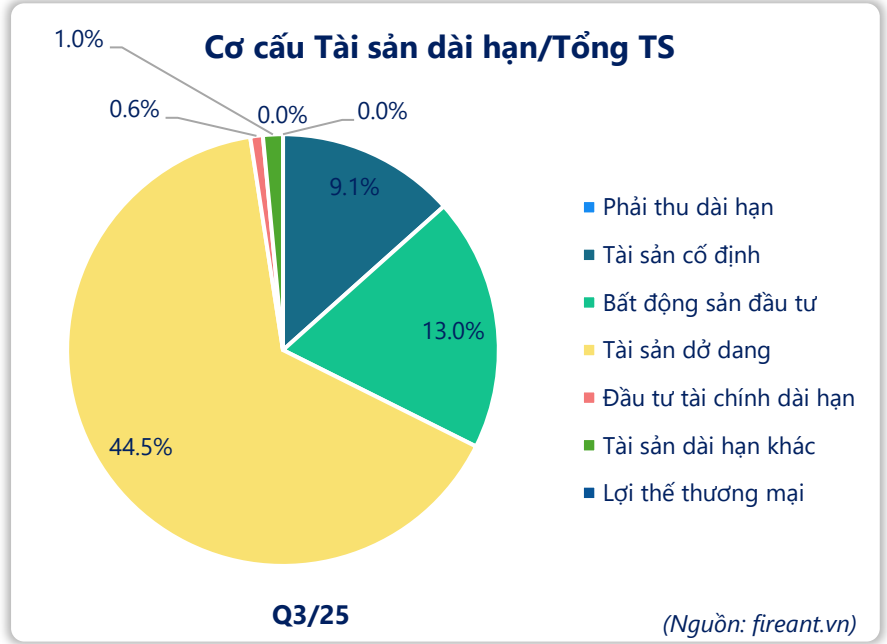
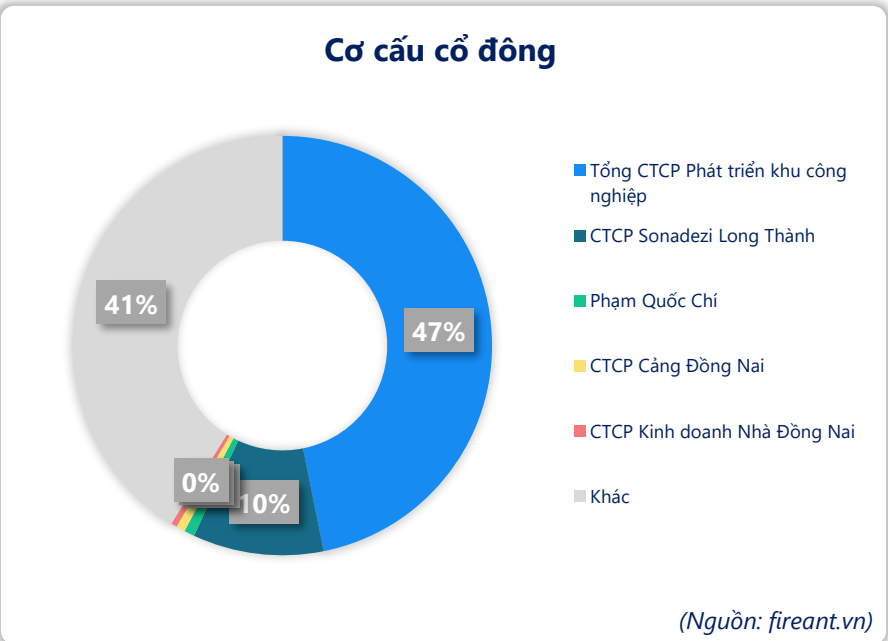
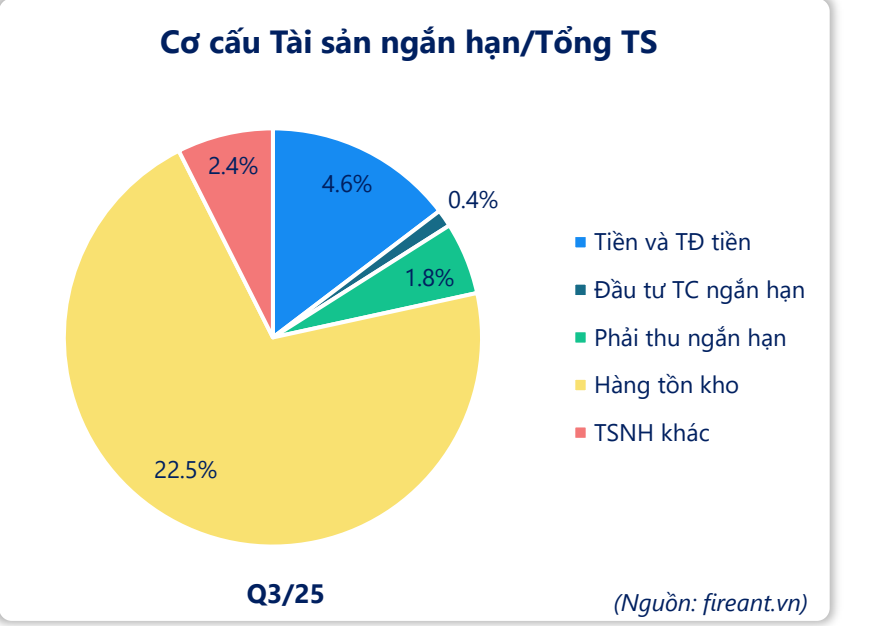
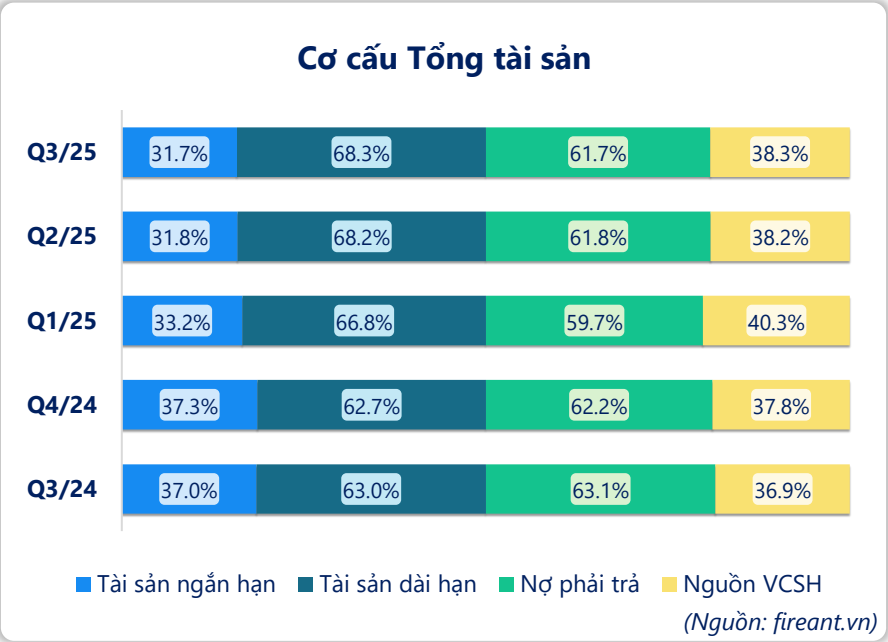


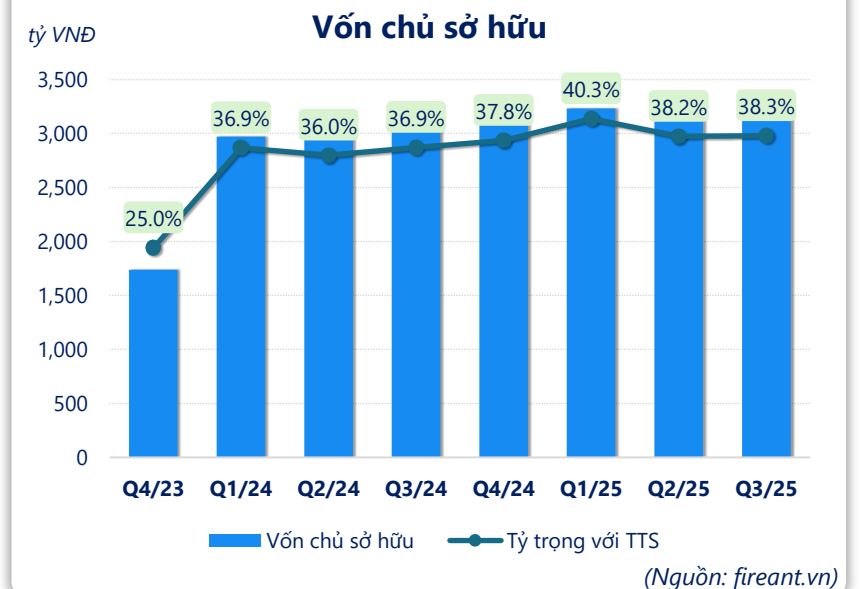
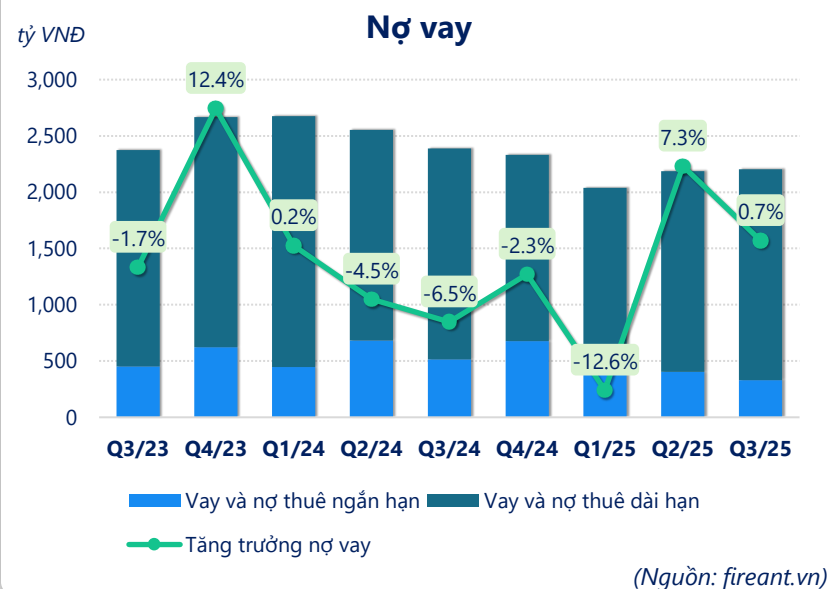
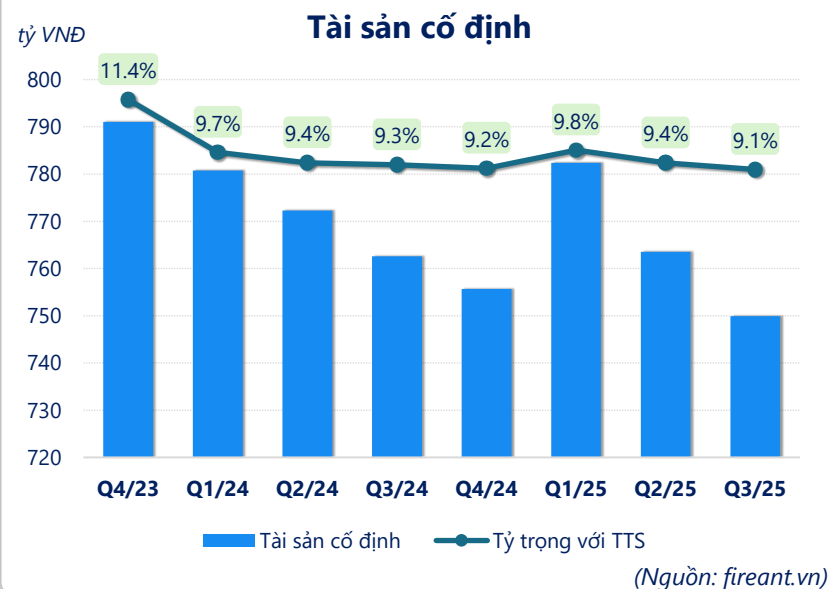
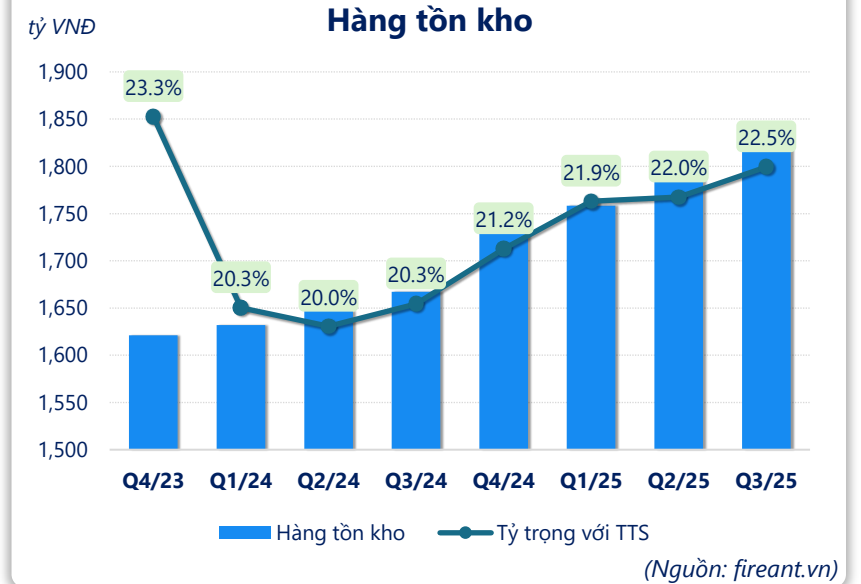
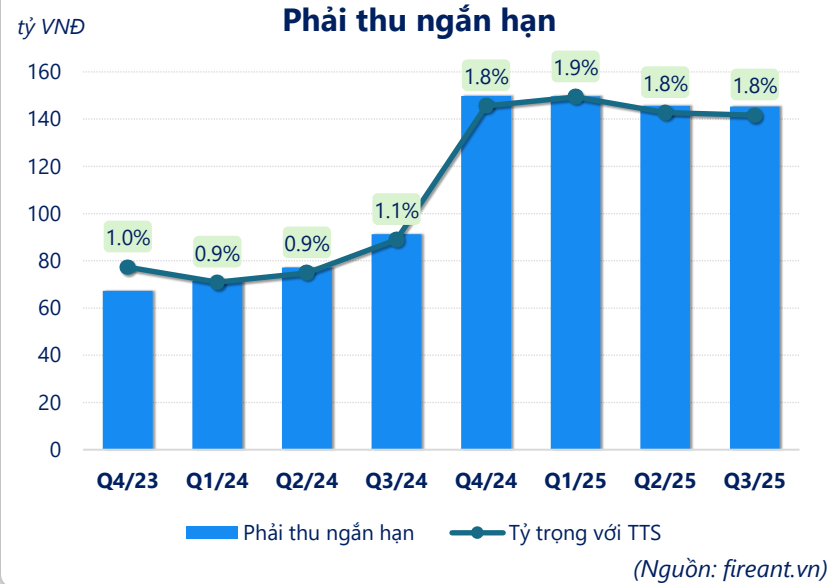
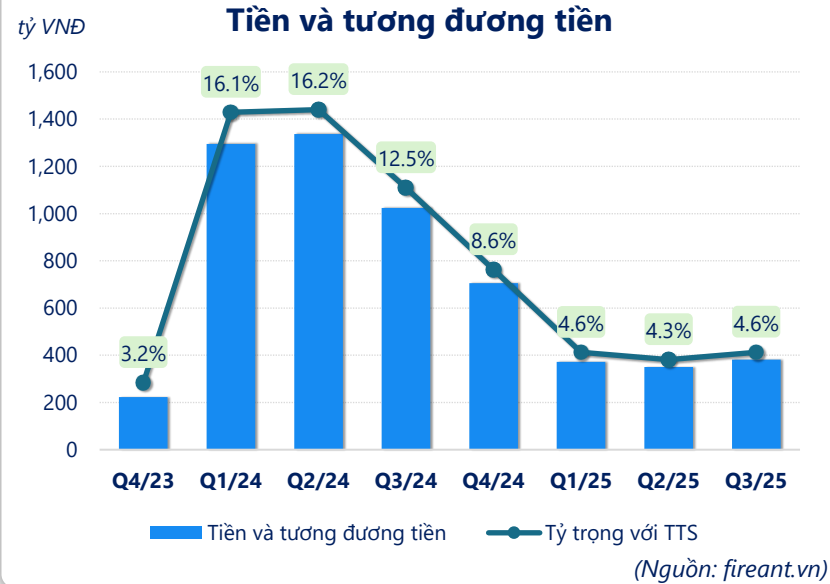
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		33,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,904
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,215
SL cổ phiếu LH		179,985,863
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,241,705
% sở hữu nước ngoài		2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,093
P/E		19.2
EPS		1,763

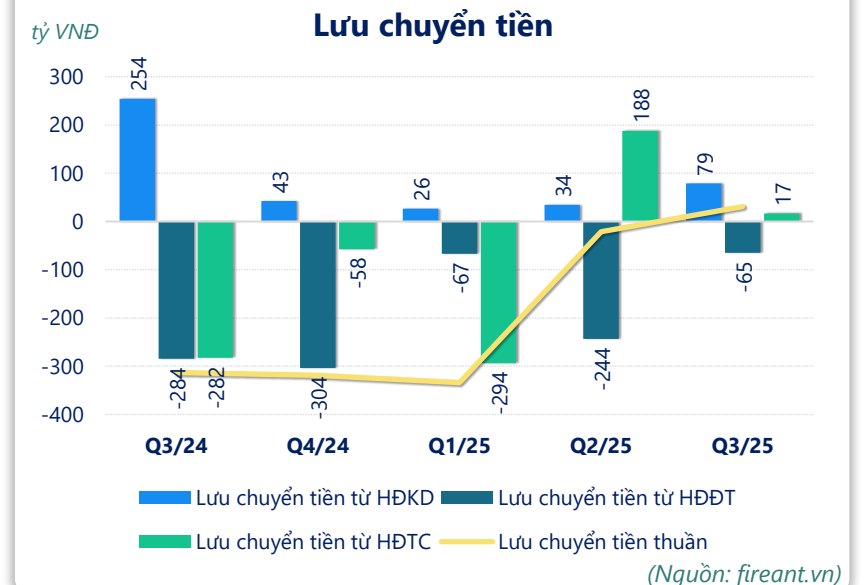
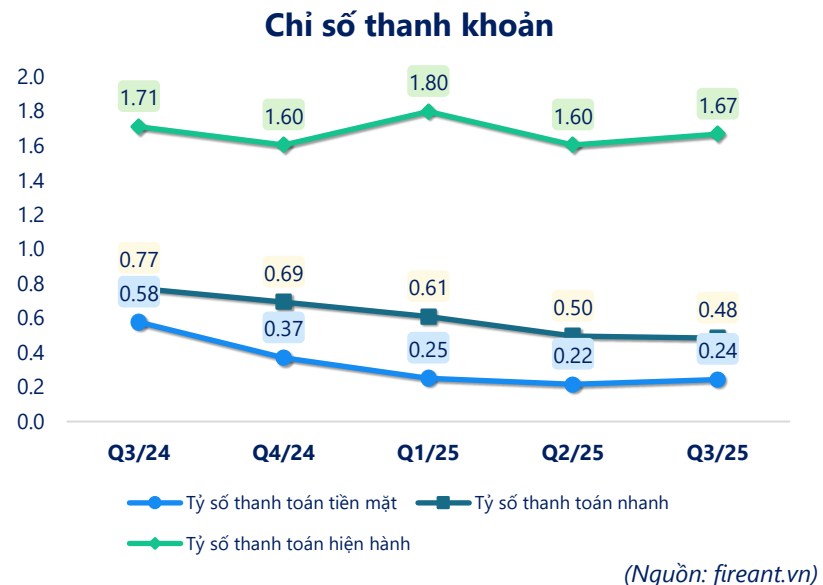
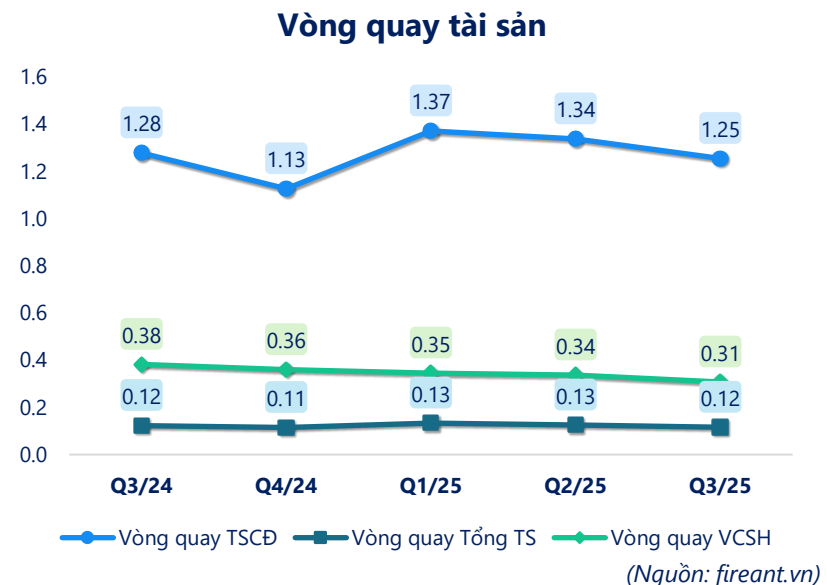
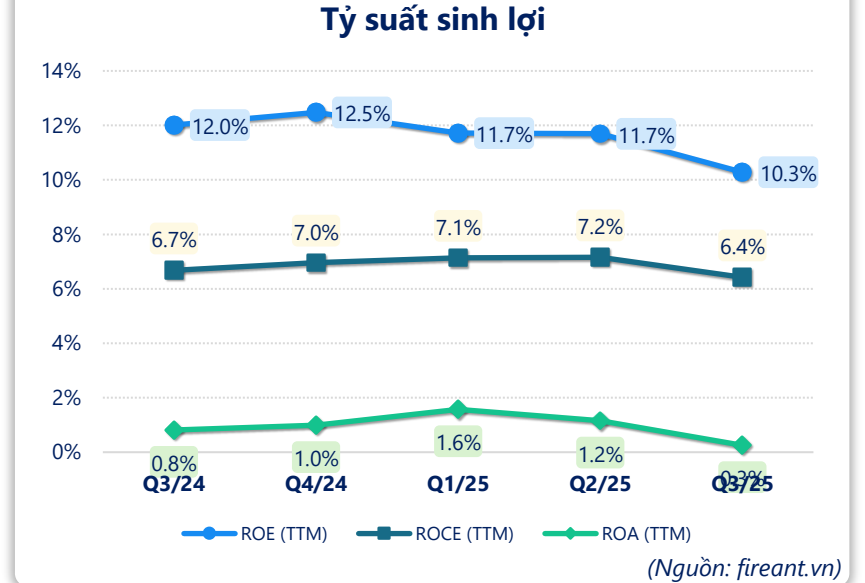
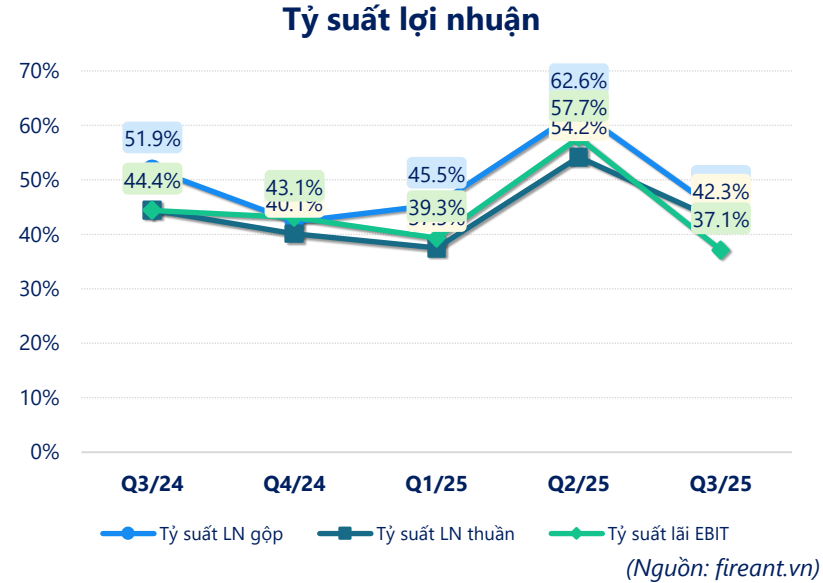
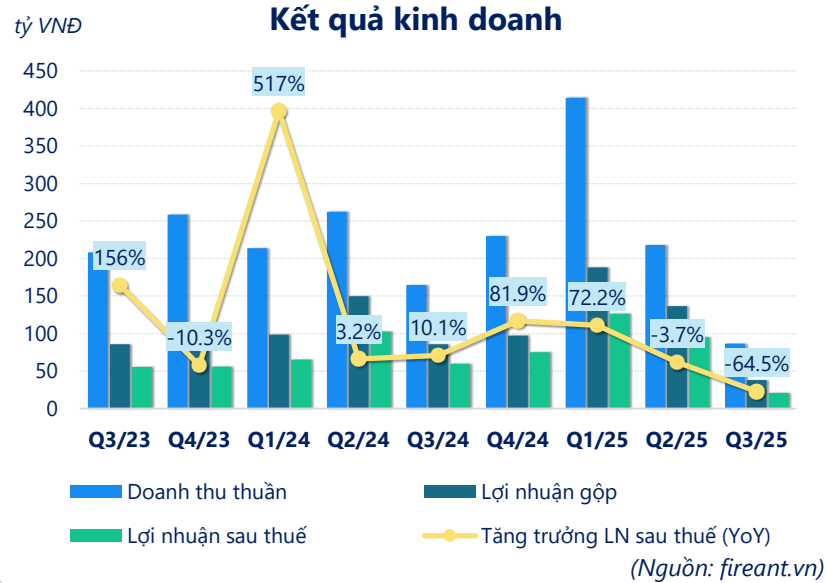
	YTD	1T	3T	6T
SZC	-18.1%	-2.3%	-5.9%	-16.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,200	8,226	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	2,599	3,067	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	381	705	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.8	335	-89.6%
Phải thu ngắn hạn	145	150	-3.0%
Hàng tồn kho	1,844	1,743	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	193	134	44.3%
Tài sản dài hạn	5,601	5,159	8.6%
Phải thu dài hạn	0.39	0.32	21.4%
Tài sản cố định	750	756	-0.8%
Bất động sản đầu tư	1,063	1,120	-5.1%
Tài sản dở dang	3,652	3,148	16.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	52.8	52.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	83.5	82.1	1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,058	5,120	-1.2%
Nợ ngắn hạn	1,559	1,912	-18.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	331	676	-51.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	190	180	5.3%
Nợ dài hạn	3,499	3,209	9.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,872	1,657	13.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,142	3,106	1.2%
Vốn chủ sở hữu	3,142	3,106	1.2%
Vốn điều lệ	1,800	1,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	165	230	414	218	86.5
Giá vốn hàng bán	79.2	133	226	81.4	48.5
Lợi nhuận gộp	85.6	97.2	188	136	38.0
Doanh thu HĐTC	15.1	20.8	6.41	6.99	11.5
Chi phí TC	8.29	6.65	6.20	7.55	6.45
Chi phí lãi vay	0	6.65	6.20	7.55	6.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.39	2.18	12.1	1.62	0.08
Chi phí QLDN	16.8	17.1	21.0	16.2	6.40
LN thuần từ HĐKD	73.2	92.2	155	118	36.6
Lợi nhuận khác	-0.09	0.14	1.32	0.21	-11.0
LN trước thuế	73.1	92.3	157	118	25.6
Lợi nhuận sau thuế	59.6	75.2	126	94.9	20.8
LNST của CĐ cty mẹ	59.6	75.2	126	94.9	20.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	254	42.7	26.4	34.4	78.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-284	-304	-66.8	-244	-64.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-282	-57.5	-294	188	16.8
Tiền đầu kỳ	1,337	1,024	705	371	350
Lưu chuyển tiền thuần	-313	-319	-334	-21.3	31.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.02	0
Tiền cuối kỳ	1,024	705	371	350	381

(Nguồn: fireant.vn)